

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày: 23/8/2023

*V/v tranh chấp QSD đất, yêu cầu
hủy Giấy chứng nhận QSD đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vi Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bế Ngọc Hùng**

Ông **Phan Văn Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thúy Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Chuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2023/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc: *Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Ông **Lý Văn T**, (tên gọi khác: **Lý Văn Đ**) sinh năm 1963. Có mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị X** – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. Có mặt.

****Bị đơn:*** Ông **Triệu Văn C**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Sầm Đức T1** – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Văn C1 – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N (*Văn bản ủy quyền số 80/GUQ- UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn*). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Bàn Thị S, sinh năm 1963. Vắng mặt
- Anh Lý Văn V, sinh năm 1989. Vắng mặt
- Anh Lý Văn T2, sinh năm 1991. Vắng mặt
- Anh Lý Văn D, sinh năm 1986. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, anh V, anh T2, anh D: Ông Lý Văn T, có mặt.

- Ông Lý Văn D1, sinh năm 1959. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2022, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lý Văn T (Lý Văn Đ) trình bày:

Gia đình ông có thửa đất tại thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Về nguồn gốc: Do ông cha của ông khai phá và để lại cho ông sử dụng. Ngày 15/11/2001 ông được UBND huyện N giao đất giao rừng và cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với hai thửa đất là: Thửa số 16, tờ bản đồ số 11, diện tích 30.500 m² tại Giấy chứng nhận QSD đất số T 064673 và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 154/4, diện tích 23.500 m² tại Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695, hai thửa đất giáp ranh nhau. Năm 2009 đo đạc bản đồ địa chính, hai thửa đất trên thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 diện tích 95.381 m² mang tên Lý Văn T. Thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 ông chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

Kể từ khi được ông cha để lại và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất, gia đình ông chỉ quản lý, bảo vệ cây mọc tự nhiên mà không canh tác gì trên đất. Năm 2013 ông Triệu Văn C đến phát để trồng sắn, sau đó trồng keo, quế, hồi trên phần đất có diện tích khoảng 8.560m², khi ông C trồng sắn, trồng cây ông không có ý kiến gì, năm 2015 ông mới làm đơn đề nghị UBND xã T giải quyết, UBND xã tổ chức hòa giải nhưng không thành. Năm 2016 ông khởi kiện ông Triệu Văn C ra Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn nhưng sau đó giữa hai bên có thỏa thuận về việc đổi đất nên ông rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau đó ông C không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận đổi đất mà còn cố tình phát lần chiếm thêm đất để trồng cây, do vậy ông đã khởi kiện ông C tại Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, sau đó Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết. Quá trình giải quyết tranh chấp năm 2015, 2016 ông trình bày là đất tranh chấp không có giấy tờ, nên ông không cung cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho các cơ quan chức năng vì lúc đó ông cũng không rõ phần đất tranh chấp có nằm trong thửa đất số 16, tờ bản đồ số 11, diện tích 30.500 m² và thửa đất số 3, tờ bản đồ số 154/4, diện tích 23.500 m² không nhưng nay ông khẳng định phần đất tranh chấp nằm trong hai thửa đất trên.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã xác định được phần đất tranh chấp có diện tích 8.754 m² trong đó có 6.281,9 m² nằm trong thửa đất số 401, tờ bản đồ số 2 mang tên Lý Văn D1, còn **2.472,1m²** nằm trong thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 mang tên Lý Văn T. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, phần đất 6.281,9 m² nằm trong thửa đất số 401, tờ bản đồ số 2 mang tên Lý Văn D1, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu ông C phải trả lại cho ông phần đất tranh chấp có diện tích 2.472,1m² nằm trong thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Yêu cầu ông C phải cắt (chặt) và di dời toàn bộ số cây xoan, keo, quế, hồi mà ông C đã trồng và chăm sóc trên diện tích đất tranh chấp để trả lại đất cho ông. Ông không nhất trí sở hữu số cây trên và bồi thường công sức trồng, chăm sóc cây cho ông C.

Tại các biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Đất có nguồn gốc do ông Triệu Văn K (bố của ông) khai phá, sử dụng từ năm 1990, năm 2013 ông K mất, ông tiếp tục quản lý sử dụng. Năm 2013 ông trồng ngô, trồng sắn, năm 2015 ông trồng xoan, năm 2018 trồng keo nhưng keo không phát triển nên năm 2021 ông tiếp tục trồng xen kẽ quế, hồi trên đất. Trong suốt quá trình sử dụng đất từ khi khai phá đến trước năm 2015, ông Lý Văn T không có ý kiến gì. Năm 2015 ông T đến tranh chấp và cho rằng phần đất trên là của gia đình ông T, năm 2016 ông T đã khởi kiện ông ra Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn nhưng sau đó ông T đã rút đơn khởi kiện, do vậy phần đất tranh chấp chưa được cơ quan nào giải quyết.

Mặc dù được khai phá và quản lý sử dụng đất liên tục nhưng gia đình ông chưa làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận QSD phần đất tranh chấp. Các tài sản trên đất gồm keo, hồi, quế, xoan là do một mình ông trồng, quản lý, chăm sóc, các con ông còn nhỏ, vợ ông sức khỏe yếu nên không có công sức đóng góp trong việc quản lý sử dụng đất và tôn tạo tài sản trên đất.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã xác định được phần đất tranh chấp có diện tích 8.754 m² trong đó có 6.281,9 m² nằm trong thửa đất số 401, tờ bản đồ số 2 mang tên Lý Văn D1, còn **2.472,1m²** nằm trong thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 mang tên Lý Văn T. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, phần đất 6.281,9 m² nằm trong thửa đất số 401, tờ bản đồ số 2 mang tên Lý Văn D1, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T, ông không nhất trí.

Ông yêu cầu phản tố như sau:

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất số T 064673 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn T đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 30.500 m² và Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn Đ đối với thửa số 3, tờ bản đồ số 154/4 diện tích 23.400 m².

- Yêu cầu công nhận quyền sử dụng phần diện tích đất tranh chấp 2.472,1m² thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cho ông.

Ngày 07/8/2023, ông rút yêu cầu phản tố về việc hủy Giấy chứng nhận QSD đất số T 064673 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn T đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 30.500 m² và Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn Đ đối với thửa số 3, tờ bản đồ số 154/4 diện tích 23.400 m².

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện N: *Tại Văn bản số 3734/UBND- TNMT ngày 30/12/2022 và Văn bản số 1992/UBND- TNMT ngày 05/7/2023 có ý kiến:*

- Trình tự, thủ tục, căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 064695 ngày 15/11/2001 đối với thửa số 3, tờ bản đồ số 154/4 diện tích 23.400 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 064673 ngày 15/11/2001 đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 30.500 m² của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn T (Lý Văn Đ) được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 1993 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 1993 ngày 12 tháng 12 năm 1998; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của T4 về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất.

- Thửa số 3, tờ bản đồ số 154/4 diện tích 23.400 m² cấp theo bản đồ giao đất năm 1999 có phía Bắc giáp thửa đất số 2 của ông Triệu Văn K, phía Đông Bắc giáp thửa đất số 1, phía Tây giáp đất UBND xã quản lý, phía Nam giáp thửa số 16 (theo bản đồ tổng hợp là thửa 23, K4).

- Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 11 cấp theo bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1994, không giáp ranh với thửa đất nào (theo bản đồ tổng hợp là thửa 23, K4).

- Các thành viên hộ gia đình tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận gồm: Lý Văn T (chủ hộ), Bàn Thị S1 (vợ), Lý Văn V (con), Lý Văn T2 (con), Lý Văn D (con) cùng sinh sống tại thôn K, xã T, huyện N.

- Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695 ngày 15/11/2001 đối với thửa số 3, tờ bản đồ số 154/4 diện tích 23.400 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 064673 ngày 15/11/2001 đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 30.500 m² của UBND huyện cấp cho hộ ông Lý Văn T (Lý Văn Đ) là cấp lần đầu.

- Về hạn mức tối thiểu để cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với rừng sản xuất: Theo quy định của Luật Đất đai năm 1993 chỉ quy định hạn mức giao đất đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản, không nêu cụ thể hạn mức tối thiểu giao đất rừng sản xuất; Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 hạn mức giao đất đối với đất rừng sản xuất cho mỗi hộ gia đình cá nhân không quá 30ha.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy 2 Giấy chứng nhận QSD đất nêu trên, UBND huyện đề nghị Tòa án trên cơ sở kết quả thẩm định tại chỗ và các hồ sơ, tài liệu liên quan xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Lý Văn D1 trình bày :

Phần đất tranh chấp giữa ông T và ông C qua xem xét thẩm định tại chỗ có một phần nằm trong đất của ông. Đất tranh chấp giữa ông T và ông C xảy ra từ năm 2015, năm 2016 ông T đã khởi kiện ông C đối với phần đất này ra Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn nhưng sau đó ông T đã rút đơn khởi kiện.

Đối với diện tích đất tranh chấp 6.281,9m² nằm trong thửa đất số 401, tờ bản đồ số 2 của ông, do chưa được UBND xã Thuần Mang hòa giải giữa ông và ông C nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trên đất tranh chấp cũng không có tài sản gì của ông.

Ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T, đối với yêu cầu phản tố của ông Triệu Văn C, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông không có yêu cầu độc lập.

- **Bà Lý Thị S2 trình bày:** Bà là vợ của ông Lý Văn T, kết hôn với ông T năm 1981, về nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của ông cha để lại, năm 2001 được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận QSD đất nhưng phần đất tranh chấp có nằm trong phần đất được cấp Giấy chứng nhận QSD đất hay không, bà không rõ, phần đất tranh chấp gia đình bà chưa bao giờ canh tác cũng như chưa bao giờ tác động vào đất tranh chấp, các tài sản trên đất là của gia đình ông C, năm 2015 ông T đã khởi kiện ông C nhưng sau đó ông T lại rút đơn khởi kiện, nên việc tranh chấp vẫn chưa được giải quyết. Nay bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T, không nhất trí với yêu cầu phản tố của ông Triệu Văn C, không có yêu cầu độc lập

- **Anh Lý Văn D, anh Lý Văn V và anh Lý Văn T2 trình bày:** Phần đất tranh chấp là của ông Lý Văn T (bố các anh), các anh không có công sức đóng góp gì đối với phần đất này, không có tài sản trên đất. Vợ con các anh cũng không đóng góp gì vì đã ra ở riêng, các anh cũng không thấy ông T, bà S2 canh tác gì trên đất tranh chấp, các tài sản trên đất là của gia đình ông C. Đất tranh chấp có diện tích bao nhiêu và có nằm trong phần đất được cấp Giấy chứng nhận QSD đất hay không, các anh không biết. Năm 2015 ông T đã khởi kiện ông C nhưng sau đó ông T lại rút đơn khởi kiện nên việc tranh chấp vẫn chưa được giải quyết. Nay các anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T, không nhất trí với yêu cầu phản tố của ông Triệu Văn C, không có yêu cầu độc lập.

Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định:

- **Đối chiếu với bản đồ Lâm nghiệp xã T năm 2009 (Tờ Bản đồ số 2)** thì thửa đất có vị trí tại thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa đất số 408 của ông Triệu Văn K;

Phía Tây: Giáp đường dân sinh;

Phía Nam: Giáp thửa đất số 421 đứng tên trên bản đồ là ông Lý Văn T;

Phía Bắc: Giáp thửa đất số 401 đứng tên trên bản đồ là ông Lý Văn D1.

* Diện tích tranh chấp: **8.754,0m²**, trong đó có: 6.281,9m² nằm trong thửa đất số 401, tờ bản đồ số 2 mang tên ông Lý Văn D1, trong 6.281,9m² có 835,0m² là phần đất diện tích 700m² mà ông Lý Văn T yêu cầu trong đơn khởi kiện; **2.472,1m²** nằm trong thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2.

- Đối chiếu bản đồ tổng hợp giao đất lâm nghiệp năm 1994 -1995-1999-2000 xác định được như sau:

+ 6.281,9m² nằm trong thửa đất số 1 (lô 1, khoảnh 4, tiểu khu A)

+ **2.472,1m²** nằm trong phần đất Nhà nước chưa giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng.

Đối chiếu bản đồ tổng hợp giao đất lâm nghiệp năm 1994-1995-1999-2000 với tờ bản đồ số 2 xác định: Thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2, diện tích 95.381m² trùm lên toàn bộ thửa đất số 16, tờ bản đồ 11 (*lô 23, khoảnh 4, tiểu khu A*), diện tích 30.500m² và một phần của thửa đất số 3 (*lô 3, khoảnh 4, tiểu khu A*) và phần đất Nhà nước chưa giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng. Thửa đất số 3 và thửa đất số 16 đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Lý Văn T (Lý Văn Đ)

Thửa đất số 16, tờ bản đồ 11 (Lô A, khoảnh 11- Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1994) là lô 23, khoảnh 4, tiểu khu A (Bản đồ tổng hợp giao đất lâm nghiệp năm 1994-1995-1999-2000).

Theo Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695 cấp cho ông Lý Văn Đ (Lý Văn Tá) ngày 15/11/2001 đối với thửa đất số 3 (lô 3) số tờ bản đồ 154/4 (khoảnh 4, tiểu khu A) kiểm tra đối chiếu Biểu tổng hợp diện tích giao đất lâm nghiệp từ 1992-2000 với Bản đồ tổng hợp giao đất lâm nghiệp năm 1994-1995-1999-2000 thì số tờ bản đồ 154/4 (khoảnh 4, tiểu khu A) thuộc thôn N và thôn K xã T, còn toàn bộ phần đất lâm nghiệp tại thôn K thuộc tiểu khu A.

- Đối chiếu với Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 (Bản đồ đang có hiệu lực pháp luật) thì toàn bộ phần đất tranh chấp nằm trong quy hoạch đất rừng sản xuất, đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình cá nhân.

- Hiện trạng: Trên đất tranh chấp có cây keo, cây quế, cây hồi, cây xoan trồng xen kẽ lẫn nhau (*không đếm số lượng cụ thể*), cây mọc tự nhiên và cỏ dại. Các bên đương sự đều xác định các loại cây trên đất là của ông Triệu Văn C trồng.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên đương sự thực hiện quyền tiếp cận chứng cứ, các đương sự đều nhất trí không có ý kiến gì về tài liệu chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập, các đương sự không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa .

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải đề các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án tuy nhiên các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không nhất trí yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn giữ nguyên nội dung rút yêu cầu phản tố về việc hủy Giấy chứng nhận QSD đất số T 064673 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn T đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 30.500 m² và Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn Đ đối với thửa số 3, tờ bản đồ số 154/4 diện tích 23.400 m² và giữ nguyên yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần diện tích đất tranh chấp 2.472,1m² thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cho bị đơn

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do nguồn gốc đất là của ông cha nguyên đơn để lại, nguyên đơn sử dụng đến trước năm 1995, từ năm 1996 đến nay do đất tranh chấp nằm trong quy hoạch đất rừng phòng hộ nên nguyên đơn không can thiệp sử dụng đất, thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 đứng tên nguyên đơn trên bản đồ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ xác định phần đất tranh chấp thuộc phần đất Nhà nước chưa giao QSD cho cá nhân, hộ gia đình nào, nguyên đơn sử dụng liên tục đất tranh chấp, vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc công nhận QSD đất cho bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ xác định phần đất tranh chấp thuộc phần đất Nhà nước chưa giao đất cho hộ gia đình cá nhân nào sử dụng, nguyên đơn không quản lý, sử dụng đất tranh chấp, đất tranh chấp không nằm trong Giấy chứng nhận QSD đất của nguyên đơn nên nguyên đơn không có quyền quản lý, sử dụng đất, do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu phản tố và công nhận QSD phần đất tranh chấp cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận QSD đất số T 064673 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn T đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 30.500 m² và Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn Đ

đối với thửa số 3, tờ bản đồ số 154/4 diện tích 23.400 m². Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật tại Điều 26, Điều 34/Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 32/Luật tố tụng Hành chính.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thừa nhận năm 2016 nguyên đơn, bị đơn xảy ra tranh chấp QSD đất, nguyên đơn đã khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn. Sau đó nguyên đơn rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đình chỉ giải quyết vụ án, đến nay vụ án chưa được cơ quan nào giải quyết, do vậy việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định.

Tại Văn bản số 1992/UBND-TNMT ngày 05/7/2023 của UBND huyện N cung cấp: Thời điểm cấp Giấy chứng nhận QSD đất (năm 2001) hộ ông T gồm: Ông Lý Văn T (*chủ hộ*), bà Bàn Thị S (*vợ ông T*), Lý Văn Vàng Lý Văn T3, Lý Văn D (*các con ông T*), do vậy việc Tòa án xác định và đưa bà Bàn Thị S, anh Lý Văn V, anh Lý Văn T3, anh Lý Văn D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về xác định vị trí đất tranh chấp

- **Đối chiếu với bản đồ Lâm nghiệp xã T năm 2009 (Tờ Bản đồ số 2)** thì thửa đất tranh chấp có vị trí tại thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và có tứ cận phía đông giáp thửa đất số 408 của ông Triệu Văn K; Phía tây giáp đường dân sinh; Phía nam giáp thửa đất số 421 đứng tên trên bản đồ là ông Lý Văn T; Phía bắc giáp thửa đất số 401 đứng tên trên bản đồ là ông Lý Văn D1.

* Diện tích tranh chấp: **8.754,0m²**, trong đó có: 6.281,9 m² nằm trong thửa đất số 401; **2.472,1m²** nằm trong thửa đất số 421.

- **Đối chiếu bản đồ tổng hợp giao đất lâm nghiệp năm 1994 -1995-1999-2000** xác định được 6.281,9m² nằm trong thửa đất số 1 (*lô 1, khoảnh 4, tiểu khu A*); **2.472,1m²** nằm trong phần đất Nhà nước chưa giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng.

Đối với phần đất có diện tích **6.281,9m²** nằm trong thửa đất số 401, tờ bản đồ số 2 mang tên ông Lý Văn D1, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Do vậy phần đất tranh chấp đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết là phần đất có diện tích **2.472,1m²** nằm trong thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 và theo Bản đồ tổng hợp giao đất lâm nghiệp năm 1994 -1995-1999-2000 thì phần đất tranh chấp nằm trong phần đất Nhà nước chưa giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng

[2.2]. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất.

Nguyên đơn khai: Đất tranh chấp do ông cha của nguyên đơn khai phá và để lại cho nguyên đơn sử dụng. Ngày 15/11/2001 nguyên đơn được UBND huyện N giao đất giao rừng và cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với hai thửa đất là: Thửa số 16, tờ bản đồ số 11, diện tích 30.500 m² tại Giấy chứng nhận QSD đất số T 064673 và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 154/4, diện tích 23.500 m² tại Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695. Kể từ khi được ông cha để lại và được Nhà nước cấp

Giấy chứng nhận QSD đất, gia đình nguyên đơn chỉ quản lý, bảo vệ cây mọc tự nhiên mà không canh tác gì trên đất. Năm 2013 bị đơn đến phát để trồng sắn, sau đó trồng keo, quế, hồi, khi bị đơn trồng sắn, trồng cây nguyên đơn không có ý kiến gì, năm 2015 mới xảy ra tranh chấp với bị đơn nhưng lúc đó nguyên đơn cũng không rõ phần đất tranh chấp có nằm trong thửa đất số 16, tờ bản đồ số 11, diện tích 30.500 m² và thửa đất số 3, tờ bản đồ số 154/4, diện tích 23.500 m² không nhưng nay nguyên đơn khẳng định phần đất tranh chấp nằm trong hai thửa đất trên.

Bị đơn khai: Đất tranh chấp có nguồn gốc do ông Triệu Văn K (bố của bị đơn) khai phá, sử dụng từ năm 1990, năm 2013 ông K mất, bị đơn tiếp tục quản lý sử dụng. Năm 2013 bị đơn trồng ngô, trồng sắn, năm 2015 bị đơn trồng xoan, năm 2018 trồng keo nhưng keo không phát triển nên năm 2021 bị đơn trồng xen kê quế, hồi trên đất. Trong suốt quá trình sử dụng đất từ khi khai phá đến trước năm 2015, nguyên đơn không có ý kiến gì. Năm 2015 nguyên đơn mới tranh chấp và cho rằng phần đất trên là của gia đình nguyên đơn. Mặc dù được khai phá và quản lý sử dụng đất liên tục nhưng gia đình bị đơn chưa làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận QSD phần đất tranh chấp. Các tài sản trên đất gồm keo, hồi, quế, xoan là của bị đơn.

Hội đồng xét xử thấy: Cả nguyên đơn, bị đơn đều khai đất có nguồn gốc do ông cha khai phá và để lại cho nguyên đơn, bị đơn sử dụng nhưng đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh được việc được ông cha để lại đất. Quá trình sử dụng đất: Nguyên đơn và các thành viên trong hộ gia đình của nguyên đơn gồm bà Bàn Thị S (vợ nguyên đơn), anh Lý Văn V, anh Lý Văn T3, anh Lý Văn D (các con nguyên đơn) đều khẳng định nguyên đơn không canh tác gì trên đất và cũng chưa bao giờ tác động vào đất tranh chấp, bị đơn canh tác sử dụng đất tranh chấp từ năm 2013, hiện nay trên đất có các cây xoan, keo, quế, hồi là do bị đơn trồng, trong suốt quá trình bị đơn sử dụng đất trước năm 2015, nguyên đơn không có ý kiến gì, do vậy có căn cứ khẳng định bị đơn là người sử dụng đất liên tục từ năm 2013 đến nay.

[2.3]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn cho rằng: Phần đất tranh chấp **2.472,1m²** nằm trong hai thửa đất mà năm 2001 nguyên đơn đã được UBND huyện N giao đất giao rừng và cấp Giấy chứng nhận QSD đất là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 11, diện tích 30.500 m² và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 154/4, diện tích 23.500 m², năm 2009 đo đạc bản đồ địa chính là thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 mang tên Lý Văn T.

Hội đồng xét xử thấy: Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Đối chiếu với bản đồ Lâm nghiệp xã T năm 2009 (*Tờ Bản đồ số 2*) thì phần đất tranh chấp có diện tích **2.472,1m²** nằm trong thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2. Đối chiếu với bản đồ tổng hợp giao đất lâm nghiệp năm 1994-1995-1999-2000 thì phần đất tranh chấp **2.472,1m²** nằm trong phần đất Nhà nước chưa giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng. Đối chiếu giữa bản đồ tổng hợp giao đất lâm nghiệp năm 1994-1995-1999-2000 với tờ bản đồ số 2 xác định: Thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2, diện tích 95.381m² trùm lên toàn bộ thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 30.500m² và một phần của thửa đất số 3 (*lô 3, khoảnh 4, tiểu khu A*) và phần đất

Nhà nước chưa giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng. Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên khẳng định phần đất tranh chấp có diện tích **2.472,1m²** không nằm trong thửa đất số 16, tờ bản đồ số 11, diện tích 30.500 m² và thửa đất số 3, tờ bản đồ số 154/4, diện tích 23.500 m² mà nguyên đơn đã được UBND huyện N giao đất giao rừng và cấp Giấy chứng nhận QSD đất tại Giấy chứng nhận QSD đất số T 064673 và Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695 và cũng phù hợp với kết quả xác minh, trả lời đơn đề nghị của ông Lý Văn T của UBND huyện N tại văn bản số 421/UBND-TNMT ngày 10/4/2018. Do vậy lời khai của nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp nguyên đơn đã được giao đất và cấp Giấy chứng nhận QSD đất là không có cơ sở để xem xét.

Xem xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải cắt (chặt) và di dời toàn bộ số cây xoan, keo, quế, hồi mà bị đơn đã trồng và chăm sóc trên diện tích đất tranh chấp 2.472,1m² nằm trong thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 để trả lại đất cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy: Như đã phân tích ở trên, phần đất tranh chấp **2.472,1m²** không nằm trong thửa đất số 16, tờ bản đồ số 11, không nằm trong thửa đất số 3, tờ bản đồ số 154/4 là 2 thửa đất mà nguyên đơn đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất, phần đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 tuy nhiên thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình cá nhân nào, quá trình giải quyết nguyên đơn cũng thừa nhận chưa bao giờ canh tác trên đất tranh chấp và không có ý kiến đối với việc bị đơn trồng cây trên đất tranh chấp thời điểm trước năm 2015, toàn bộ tài sản trên đất là do bị đơn trồng. Từ những phân tích nêu trên khẳng định đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn, do vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải cắt, chặt và di dời toàn bộ số cây xoan, keo, quế, hồi mà bị đơn đã trồng và chăm sóc trên đất tranh chấp để trả lại đất tranh chấp cho nguyên đơn là không có căn cứ để xem xét. Cần bác yêu cầu.

[2.3]. Xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Hội đồng xét xử thấy:

Bị đơn có yêu cầu phản tố về việc hủy Giấy chứng nhận QSD đất số T 064673 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn T đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 30.500 m² và Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn Đ đối với thửa số 3, tờ bản đồ số 154/4 diện tích 23.400 m² và yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần diện tích đất tranh chấp 2.472,1m² thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cho bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn rút yêu cầu phản tố về việc hủy Giấy chứng nhận QSD đất số T 064673 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn T đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 30.500 m² và Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn Đ đối với thửa số 3, tờ bản đồ số 154/4 diện tích 23.400 m². Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Xét yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp 2.472,1m² thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 của bị đơn: Hội đồng xét xử thấy: Như đã phân tích ở trên, nguyên đơn chưa bao giờ sử dụng đất tranh chấp, bị đơn là người sử dụng đất tranh chấp liên tục từ năm 2013 đến nay, quá trình sử dụng thời điểm trước năm 2015 nguyên đơn không có ý kiến gì, thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình cá nhân nào, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Đối chiếu với Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 (*Bản đồ đang có hiệu lực pháp luật*) thì toàn bộ phần đất tranh chấp nằm trong quy hoạch đất rừng sản xuất, đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình cá nhân, các tài sản trên đất gồm keo, hồi, quế, xoan là do một mình bị đơn trồng, quản lý, chăm sóc, vợ và các con của bị đơn không có công sức đóng góp trong việc quản lý sử dụng đất và tôn tạo tài sản trên đất, do vậy yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp 2.472,1m² thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 của bị đơn là có căn cứ. Cần chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải cắt (chặt) và di dời toàn bộ số cây xoan, keo, quế, hồi mà bị đơn đã trồng và chăm sóc trên diện tích đất tranh chấp 2.472,1m² nằm trong thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 để trả lại đất cho nguyên đơn là không có căn cứ, do vậy không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu được công nhận QSD phần đất tranh chấp 2.472,1m² thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ, do vậy không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Cần chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vì yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên nguyên đơn là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp cho bị đơn.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Vì yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là **9.700.000đ (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng)**.

Bị đơn không phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hoàn trả lại tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 101, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn T về việc yêu cầu bị đơn trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 2.472,1m² nằm trong thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2 tại thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và yêu cầu bị đơn phải cắt (chặt) và di dời toàn bộ số cây xoan, keo, quế, hồi mà bị đơn đã trồng và chăm sóc trên đất tranh chấp để trả lại đất cho nguyên đơn.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Triệu Văn C:

Ông Triệu Văn C có quyền sử dụng 2.472,1m² đất nằm trong thửa đất số 421, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. (Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Triệu Văn C có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất số T 064673 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn T đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 30.500 m² và Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn Đ đối với thửa số 3, tờ bản đồ số 154/4 diện tích 23.400 m².

Bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất số T 064673 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn T đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 30.500 m² và Giấy chứng nhận QSD đất số T 064695 ngày 15/11/2001 của UBND huyện N cấp cho hộ ông Lý Văn Đ đối với thửa số 3, tờ bản đồ số 154/4 diện tích 23.400 m² theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

4. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lý Văn T.

Ông Lý Văn T được hoàn trả lại 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp theo Biên lai thu 0000327 ngày 29/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn

- Ông Triệu Văn C được hoàn trả lại 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông C đã nộp theo Biên lai thu số 0000352 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Về chi phí tố tụng:

- Nguyên đơn ông Lý Văn T phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 9.700.000đ (*Chín triệu bảy trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông T đã nộp tại Tòa án. Xác nhận ông T đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Hoàn trả cho ông Triệu Văn C số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ông C đã nộp tại Tòa án là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Xác nhận ông Triệu Văn C đã nhận lại đủ số tiền tạm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ được hoàn trả.

- *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo cho biết các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. UBND huyện N vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn
- Các đương sự
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội
- Cục THA tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Phòng KTNV
- Lưu HS
- Lưu HCTP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai